

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73 /SYT-NVY
V/v khảo sát thực trạng hệ
thống nhi khoa

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 01 năm 2016

Kính gửi:

- Các Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh;
- Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố;
- Bệnh viện 22 - 12;
- Bệnh viện đa khoa Tâm Trí Nha Trang.

Sở Y tế đã nhận được Công văn số 06/KCB-CĐT ngày 05/01/2015 của Cục Quản lý khám chữa bệnh về việc Khảo sát thực trạng hệ thống nhi khoa. Về vấn đề này, Sở Y tế yêu cầu các đơn vị thực hiện nội dung sau đây:


Triển khai thực hiện Phiếu khảo sát thực trạng hệ thống nhi khoa tại đơn vị theo mẫu Sở Y tế gửi kèm và báo cáo về Sở Y tế - Phòng Nghiệp vụ Y trước ngày 25/01/2016 để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế (file mềm bộ câu hỏi khảo sát được đăng trên website của Sở Y tế tại địa chỉ syt.khanhhoa.gov.vn/văn_bản_Sở_Y_tế).

Sở Y tế yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện. *mmu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY (17b).

OT **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Tấn Phùng

Mã phiếu:.....

I Thông tin về cơ sở y tế và tỉnh/huyện trực thuộc:

1.Thông tin hành chính:

1.1.Tên bệnh viện:.....

1.2.Bệnh viện hạng:.....

1.3. Năm thành lập bệnh viện:.....

1.4.Địa chỉ bệnh viện:.....

Huyện..... Tỉnh.....

1.5.Điện thoại.....Fax:.....

1.6. Thông tin một số lãnh đạo của bệnh viện:

Chức vụ	Họ và tên	Học vị	Số điện thoại	Email
Giám đốc				
Trưởng phòng KHTH				
Trưởng phòng CĐT				

1.7. Tổng số khoa/ phòng: trong đó Khoa lâm sàng: Khoa cận lâm sàng:

1.8. Tổng số CBNV của BV:.....

1.9 .Có khoa nhi : 1.Có → chuyển câu 1.11 2.Không →chuyển câu 1.10

1.10.Khoa nhi ghép với khoa :.....

1.11..Tổng số CBNV của CSYT:.....CBVC.....CBHĐ:.....

1.12. Cơ sở y tế có phòng chỉ đạo tuyến Có Không

2. Một số thông tin về dân số và cơ cấu dân số của đơn vị bệnh viện trực thuộc:

2.1.Thông tin bệnh viện (tích một lựa chọn vào ô vuông)

a.Bệnh viện tuyến tỉnh b.Bệnh viện chuyên khoa nhi c.Bệnh viện Sản nhi

d.Bệnh viện tuyến huyện e. Bệnh viện chuyên ngành g. Bệnh viện ngoài công lập

i.Khác Ghi rõ:.....

2.2..Đơn vị trực thuộc của bệnh viện:

2.2.1.Tỉnh/ Thành phố 1.Có → chuyển câu 2.3 2.Không → chuyển câu 2.2.2

2.2.2. Huyện 1.Có → chuyển câu 2.6 2.Không → chuyển câu 2.2.3

2.2.3.Tư nhân 1.Có → chuyển mục II 2.Không → chuyển mục II

2.3.Tên tỉnh trực thuộc:.....

2.4. Dân số của tỉnh trực thuộc.....

2.5.Cơ cấu dân số trẻ em theo độ tuổi của tỉnh:

Bộ Y tế
Bệnh viện Nhi Trung ương

Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ%
0-4 tuổi		
5-9 tuổi		
10-14 tuổi		
15-19 tuổi		
Tổng		

2.6. Tên huyện trực thuộc:.....

2.7. Dân số của huyện:.....

II. Thông tin chung về nhân lực:

1. Nhân lực chung của bệnh viện năm 2015:

Stt	Chức danh	Số lượng	Ghi chú
1.	Giáo sư - PGS		
2.	Tiến sỹ		
3.	Thạc sỹ		
4.	BS CK I		
5.	BS CK II		
6.	BS đa khoa		
7.	BS CK khác		
8.	Điều dưỡng đại học		
9.	Điều dưỡng cao đẳng		
10.	Điều dưỡng trung cấp		

2. Nhân lực làm trong lĩnh vực nhi khoa năm 2015:

	Chức danh	Số lượng năm 2015	Số lượng được đào tạo về nhi	
			Đã đào tạo	Đang đào tạo
Bác sỹ	Giáo sư – PGS			
	Tiến sỹ/CKII nhi khoa			
	Tiến sỹ chuyên ngành khác			
	Thạc sỹ/CKI về nhi			
	Thạc sỹ chuyên ngành khác			
	CK sơ bộ/định hướng nhi			
	Bs Đa khoa			

Bộ Y tế
Bệnh viện Nhi Trung ương

	Tổng số			
Điều dưỡng	Trung cấp			
	Cao đẳng			
	Đại học			
	CK I/Thạc sỹ			
	Tổng số			
Nhân viên khác	Dược sỹ			
	Kỹ thuật viên			
	Y sỹ			
	Hộ lý			
	Nhân viên khác			

Lưu ý: Mỗi người chỉ được tính 1 lần và chọn mức có trình độ cao nhất

3. Thông tin chi tiết về nhân lực nhi khoa năm 2015:

Đối tượng			Số lượng
Bác sỹ	Giới	Nam	
		Nữ	
	Số năm kinh nghiệm	< 5 năm	
		6- 20 năm	
		> 20 năm	
Điều dưỡng	Giới	Nam	
		Nữ	
	Số năm kinh nghiệm	< 5 năm	
		6- 20 năm	
		> 20 năm	

4. Nhu cầu đào tạo CBYT nhi khoa trong thời gian tới:

STT	Chức danh	Số lượng đến năm 2020
1.	Tiến sỹ	
2.	Thạc sỹ	
3.	Thạc sỹ/BS CK I về nhi	
4.	Tiến sỹ/CKII nhi khoa	
5.	Điều dưỡng Cao đẳng	
6.	Điều dưỡng Đại học	
7.	Điều dưỡng CK I/Thạc sỹ	
8.	Cán bộ khác	

Bộ Y tế

Bệnh viện Nhi Trung ương

9.	Các lớp chuyên khoa	
10.		
11.		
12.		

III. Thông tin về cơ sở vật chất

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

1.1. Giường bệnh:

	2013	2014	2015
Số giường bệnh chung			
1.Theo kế hoạch			
2.Thực kê			
Công suất sử dụng giường bệnh (%)			
Số giường bệnh nhi khoa			
1.Theo kế hoạch			
2.Thực kê			
Công suất sử dụng giường bệnh (%)			

1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ lĩnh vực nhi khoa:

Stt	Trang thiết bị	Số lượng	Sử dụng được	Không sử dụng được
1.	Hệ thống oxy trung tâm			
2.	Máy thở thường			
3.	Máy thở HFO			
4.	Mornitor (máy theo dõi)			
5.	Máy hút đờm dãi			
6.	Máy hút liên tục (dẫn lưu kín)			
7.	Máy truyền dịch			
8.	Bơm tiêm điện			
9.	Máy sốc điện			
10.	Máy lọc máu liên tục (CVVH)			
11.	ECMO			
12.	Nội soi hô hấp			
13.	Nội soi tiêu hóa			

Bộ Y tế

Bệnh viện Nhi Trung ương

14.	Máy tiệt khuẩn hơi			
15.	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Loại:			
16.	Máy rửa khử khuẩn Loại:			
17.	Máy huyết học tự động			
18.	Máy đông máu tự động			
19.	Máy sinh hóa tự động Loại:			
20.	Xn điện giải đồ Loại:			
21.	Máy phân tích nước tiểu Loại:			
22.	Máy đo khí máu Loại:			
23.	Máy cắt (block nền)			
24.	Máy cắt lạnh			
25.	Máy đúc bệnh phẩm			
26.	Máy nhuộm			
27.	Máy chuyển bệnh phẩm			
28.	X quang			
29.	CT			
30.	MRI			
31.	Siêu âm thường			
32.	SPECT			
33.				
34.				
35.				
36.				
Phương tiện vận chuyển cấp cứu nhi khoa				
37.	Xe chở bệnh nhân (chuyển tuyến)			
38.	Ôxy (phục vụ chuyển tuyến)			
39.	Bóng, mask (phục vụ chuyển tuyến)			
40.	Ống hút			
41.	Nội khí quản			

Bệnh viện Nhi Trung ương

42.	Nhân lực theo xe			
43.				
44.				

IV. Mô hình bệnh chuyển tuyến của bệnh nhi năm 2015:

Nhóm bệnh	Số lượt chuyển tuyến trên/năm
Bệnh hô hấp lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh tiêu hóa lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh nhiễm khuẩn lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh thận tiết niệu lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh nội tiết lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh ngoại khoa lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh sơ sinh lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh tim mạch lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh thần kinh lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu
Bệnh ung bướu lượt BN <input type="checkbox"/> Không có số liệu

Số lượt khám bệnh nhân trung bình/ngày năm 2015:.....

Số lượt khám bệnh nhi trung bình/ngày năm 2015:.....

Số ngày nằm viện trung bình của bệnh nhân năm 2015:.....

Bệnh nhân nhi điều trị nội trú toàn BV năm 2015:

Tử vong của bệnh nhân toàn viện 2015:.....

Tử vong của bệnh nhân nhi toàn viện 2015:.....

Tổng số bệnh nhân nhi chuyển tuyến 2015:.....

VI. Đề xuất và kiến nghị:

1. Thuận lợi và khó khăn của bệnh viện:

.....

Bộ Y tế

Bệnh viện Nhi Trung ương

6. Khả năng đáp ứng nhu cầu nhi khoa của người dân trên địa bàn (cả về số lượng bệnh nhân và các loại hình dịch vụ...) như thế nào?

.....
.....
.....
.....

7. Thói quen và khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ chăm sóc nhi khoa các tại tuyến (trung ương, tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến xã) như thế nào?

.....
.....
.....
.....

8. Thuận lợi, khó khăn trong hoạt động chỉ đạo tuyến của cơ sở y tế tại cộng đồng:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Giám đốc bệnh viện
(Ký tên và đóng dấu)

Tên người trả lời phiếu:.....Số điện thoại.....
Nơi công tác:.....
Địa chỉ email:.....